

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 645/2007/QĐ-HĐQT ngày 15/3/2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Biên bản thỏa thuận thành lập Công ty ngày 12/4/2007 của các cổ đông sáng lập.

Từ khi thành lập, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2203000845 ngày 24/04/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 2 với mã số doanh nghiệp số 5700647458 ngày 08/08/2011. Theo đó, hoạt động của Công ty bao gồm:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viển dương;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Công ty có trụ sở tại: Số 169 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 178 người, trong đó số cán bộ quản lý là 42 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đặc thù áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 30/06/2012.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 30/06/2012 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính để xử lý khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính. Theo đó, khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xử lý như sau:

- Đối với chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ là: tiền mặt, tiền gửi, các khoản công nợ ngắn hạn (từ 1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính được phản ánh tại mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên Bảng cân đối kế toán, đầu năm sau, số dư sẽ được hạch toán ngược lại để xoá số dư.
- Đối với chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản công nợ dài hạn (lớn hơn 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính thì được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: Bình quân gia quyền
- Công cụ, dụng cụ: Bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc trên 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 10 triệu đồng) và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 2 năm kể từ khi phát sinh.

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị khoản bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

4.11 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ của Công ty bao gồm doanh thu vận chuyển hàng hóa và doanh thu từ phí bảo quản hàng hóa.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng
- (iii) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.12 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí khác phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.13 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu các mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- Vận chuyển hàng hóa nội địa : 10%
- Vận chuyển hàng hóa quốc tế : 0%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được miễn thuế 02 năm và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 02 năm tiếp theo. Sau thời hạn được áp dụng ưu đãi nêu trên, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 25%. Năm tài chính 2010 là năm đầu tiên Công ty thực hiện ưu đãi giảm thuế TNDN, do vậy năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 là năm tài chính cuối cùng công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế suất thuế TNDN. Từ năm tài chính 2012 Công ty không còn được hưởng ưu đãi giảm thuế.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 169 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.14 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2012	01/01/2012
	(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i) 15.813.293	257.355.993
Tiền gửi ngân hàng	(ii) 7.175.466.231	12.838.205.667
Tiền đang chuyển	(iii) 598.294.070	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	7.789.573.594	13.095.561.660

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2012 bao gồm:		
	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		15.813.293
Đồng ngoại tệ (USD)		-
Cộng		15.813.293

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2012 bao gồm:

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 169 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

	Nguyên tệ	<u>VND</u>
Ngoại tệ		23.608.121
<i>Đó la Mỹ (USD)</i>	<i>1.133,48 #</i>	<i>23.608.121</i>
Đồng Việt Nam		7.151.858.110
<i>Ngân hàng Ngoại Thương Quảng Ninh</i>		<i>7.624.088</i>
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội</i>		<i>970.523.116</i>
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải</i>		<i>4.069.839</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội</i>		<i>29.994.888</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư PT -CN QN</i>		<i>6.139.646.179</i>
Cộng		<u>7.175.466.231</u>

(iii) Số dư tiền đang chuyển tại ngày 30/06/2012 bao gồm:

	Nguyên tệ	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		598.294.070
Đồng ngoại tệ		-
Cộng		<u>598.294.070</u>

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	<u>(VND)</u>	<u>(VND)</u>
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (i)	3.667.405.550	3.845.675.188

(i) Số dư các khoản phải thu khác tại ngày 30/06/2012 bao gồm:

	<u>30/06/2012</u>
	<u>(VND)</u>
Phải thu chi phí thiết kế tàu	2.557.297.260
Công ty TNHH Vận tải Sông biển Liên Phú	565.000.000
Công ty bảo hiểm BIDV Quảng Ninh	498.053.876
Phải thu khác	47.054.414
Cộng	<u>3.667.405.550</u>

5.3. Hàng tồn kho

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	<u>(VND)</u>	<u>(VND)</u>
Nguyên liệu, vật liệu	10.605.378.956	11.298.212.053
Công cụ, dụng cụ	177.618.366	85.594.284
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 169 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

Thành phẩm	-	-
Hàng hoá	-	-
Cộng	10.782.997.322	11.383.806.337

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	(VND)	(VND)
CCDC chờ phân bổ	52.534.860	16.423.330
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	1.062.853.361	1.293.014.788
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	276.515.033	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	119.768.834	14.590.909
Cộng	1.511.672.088	1.324.029.027

5.5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2012	01/01/2012
	(VND)	(VND)
Thuế TNDN nộp thừa	599.720.455	599.720.455
Thuế TNCN nộp thừa	139.428.105	-
Cộng	739.148.560	599.720.455

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 169 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

5.6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	-	-	551.466.385.577	375.699.837	-	551.842.085.414
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	6.060.844.216	-	-	6.060.844.216
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	557.527.229.793	375.699.837	-	557.902.929.630
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu kỳ	-	-	46.606.051.712	294.999.344	-	46.901.051.056
- Khấu hao trong kỳ	-	-	18.688.041.572	37.569.978	-	18.725.611.550
- Tính hao mòn	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	65.294.093.284	332.569.322	-	65.626.662.606
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	-	-	504.860.333.865	80.700.493	-	504.941.034.358
Tại ngày cuối kỳ	-	-	492.233.136.509	43.130.515	-	492.276.267.024
- Thẻ chấp, cầm cố						491.445.259.436
- Đã KH hết, đang sử dụng						
- Chờ thanh lý						

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 169 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 30/06/2012

5.7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	-	170.000.000	170.000.000
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	170.000.000	170.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu kỳ	-	5.666.666	5.666.666
- Khấu hao trong kỳ	-	16.999.998	16.999.998
- Tặng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	22.666.664	22.666.664
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	-	164.333.334	164.333.334
Tại ngày cuối kỳ	-	147.333.336	147.333.336

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Tổng số chi phí XDCB dở dang:	265.127.050	265.127.050
Đoàn xà lan 1600T	39.666.460	39.666.460
Dự án khác	225.460.590	225.460.590

5.9. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Đóng tàu Sông Ninh		4.560.000.000		4.560.000.000
Cộng		4.560.000.000		4.560.000.000

Giá trị đầu tư của Công ty tại ngày 30/06/2012 là giá trị cổ phiếu hiện Công ty đang nắm giữ của Công ty cổ phần được phản ánh theo giá gốc của khoản đầu tư. Do cổ phiếu của Công ty cổ phần trên chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán, nên chưa đủ cơ sở để đánh giá mức giảm giá cũng như trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 169 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 30/06/2012

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	88.821.490	188.828.444
Chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng an toàn ban đầu	75.262.865	97.754.837
Phí lên đà tàu Vinacomin 03	45.346.807	90.693.619
Phí tần số, phí cấp giấy phép đài tàu	2.934.946	8.559.676
Cộng	212.366.108	385.836.576

5.11. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Vay ngắn hạn	111.637.133.528	125.841.194.069
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển QN</i>	39.890.954.276	37.576.088.917
<i>Công ty Tài chính TKV – CN QN</i>	-	29.964.525.160
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội</i>	23.255.341.912	29.493.899.051
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN QN</i>	19.898.675.633	19.293.390.268
<i>Tập đoàn CN Than – KSVN</i>	44.513.290.673	9.513.290.673
Cộng	127.558.262.494	125.841.194.069

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	26.382.202	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	49.684.116
Các loại thuế khác	-	-
Cộng	26.382.202	49.684.116

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 169 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 30/06/2012

5.13. Chi phí phải trả

	<u>30/06/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Chi phí lãi vay phải trả	7.472.430.235	2.305.647.305
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	4.250.000.000	-
Cộng	<u>11.722.430.235</u>	<u>2.305.647.305</u>

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>30/06/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Cổ tức phải trả	227.605.500	228.505.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	532.343.304	398.434.019
Cộng	<u>759.948.804</u>	<u>626.939.519</u>

5.15. Vay và nợ dài hạn

	<u>30/06/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Vay dài hạn	320.499.249.795	333.217.249.795
Vay ngân hàng	259.046.249.795	279.297.249.795
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển QN</i> (i)	123.674.277.307	133.059.277.307
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải</i> (ii)	17.748.156.248	19.834.156.248
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội</i> (iii)	117.623.816.240	126.403.816.240
Vay đối tượng khác	61.453.000.000	53.920.000.000
<i>Tập đoàn CN Than - Khoáng sản VN</i> (iv)	42.983.000.000	33.750.000.000
<i>Công ty Tài chính Than - CN QN</i> (v)	18.470.000.000	20.170.000.000
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	<u>320.499.249.795</u>	<u>333.217.249.795</u>

Trong đó

Vay dài hạn đến hạn trả năm sau	23.151.000.000	57.552.000.000
(i) Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Quảng Ninh bao gồm 02 hợp đồng vay, cụ thể như sau:		
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/HĐ ngày 14/01/2009 với các điều khoản chi tiết sau:		
+ Hạn mức tín dụng: 12.300.000.000 đồng		
+ Mục đích vay: Đầu tư dự án sà lan vận tải than		

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 169 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 30/06/2012

- + Thời hạn cho vay: 84 tháng
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay
- + Số dư nợ gốc vay vào ngày 30/06/2012 là 6.362.585.119 đồng; trong đó nợ vay phải trả trong năm 2012 là 785.000.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 04/2009/HĐ ngày 25/06/2009 với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 195.000.000.000 đồng
 - + Mục đích vay: Đầu tư đóng mới 01 tàu vận tải biển đa năng 7000 DWT
 - + Thời hạn cho vay: 120 tháng
 - + Lãi suất cho vay: Thả nổi
 - + Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay, vốn tự có
 - + Số dư nợ gốc vay vào ngày 30/06/2012 là 117.311.692.188 đồng; trong đó nợ vay phải trả trong năm 2012 là 9.800.000.000 đồng.
- (ii) Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh bao gồm 01 hợp đồng vay với dư nợ gốc vay tại ngày 30/06/2012 là 17.748.156.248 đồng, trong đó:
 - Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0066/09/CP ngày 30/06/2009 với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 35.968.000.000 đồng
 - + Mục đích vay: Thanh toán tiền đầu tư 01 tàu 3000 tấn
 - + Thời hạn cho vay: 84 tháng
 - + Lãi suất cho vay: Thả nổi
 - + Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay
 - + Nợ vay phải trả trong năm 2012 là 2.086.000.000 đồng.
- (iii) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội bao gồm 2 hợp đồng vay, cụ thể như sau:
 - Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/HĐTD/DH-DN/SHB.QN ngày 31/03/2009 với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 160.000.000.000 đồng
 - + Mục đích vay: Đầu tư đóng mới tàu Vinacomin - Hạ Long
 - + Thời hạn cho vay: 120 tháng
 - + Lãi suất cho vay: Thả nổi
 - + Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay
 - + Số dư nợ gốc vay vào ngày 30/06/2012 là 98.148.188.985 đồng; trong đó nợ vay phải trả trong năm 2012 là 7.280.000.000 đồng.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 169 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 30/06/2012

- Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTD/DH-DN/SHB.QN ngày 07/08/2010 với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 29.000.000.000 đồng
 - + Mục đích vay: Đầu tư tàu số 03 trong seri 03 chiếc, trọng tải 3000DWT
 - + Thời hạn cho vay: 96 tháng
 - + Lãi suất cho vay: Thả nổi
 - + Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay
 - + Số dư nợ gốc vay vào ngày 30/06/2012 là 19.475.627.255 đồng; trong đó nợ vay phải trả trong năm 2012 là 1.500.000.000 đồng.
- (iv) Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam bao gồm 01 hợp đồng vay.
 - Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/HĐ/TKV-VTT/TPVND ngày 05/06/2009 với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 45.000.000.000 đồng
 - + Mục đích vay: Thanh toán một phần giá trị hợp đồng số 18/2008/VSBC-VWTC với công ty cơ khí đóng tàu về việc đóng mới 02 tàu vận tải biển trọng tải 7000 DWT
 - + Thời hạn cho vay: 05 năm
 - + Lãi suất cho vay: 10,4% năm cố định trong 2 năm đầu. Những năm tiếp theo là lãi suất tiền gửi 12 tháng bình quân của 04 ngân hàng quốc doanh 2,65%/năm
 - + Số dư nợ gốc vay vào ngày 30/06/2012 là 42.983.000.000 đồng.
- (v) Công ty TNHH MTV Tài chính Than bao gồm 01 hợp đồng vay, cụ thể như sau:
 - Hợp đồng tín dụng dài hạn số 201/2009/VCMFC/TDDH ngày 29/12/2009 với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 26.000.000.000 đồng
 - + Mục đích vay: Đầu tư 01 tàu trọng tải 3000 DWT
 - + Thời hạn cho vay: 96 tháng
 - + Lãi suất cho vay: Thả nổi
 - + Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay
 - + Số dư nợ gốc vay vào ngày 30/06/2012 là 18.470.000.000 đồng; trong đó nợ vay phải trả trong năm 2012 là 1.700.000.000 đồng.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 169 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 30/06/2012

5.16. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ SH</i>	<i>Vốn khác của chủ sở hữu</i>	<i>Chênh lệch TGHĐ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND		VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	100.000.000.000	734.747.581	-	9.743.476.665	1.322.838.296	73.506.719	-	111.874.569.216
Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	42.933.540	-	-	-	-	42.933.540
Giảm vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	(52.355.038.781)	(52.355.038.781)
Giảm khác	-	-	(101.830.704)	-	-	(73.506.719)	-	(175.337.423)
Số dư cuối kỳ trước/đầu kỳ này	100.000.000.000	734.747.581	(58.897.164)	9.743.476.665	1.322.838.296	-	(52.355.038.781)	59.387.126.597
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	60.028.675	-	-	-	-	60.028.675
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	(37.889.620.927)	(37.889.620.927)
Giảm khác	-	-	(21.572.640)	-	-	-	-	(21.572.640)
Số dư cuối kỳ	100.000.000.000	734.747.581	(20.441.129)	9.743.476.665	1.322.838.296	(90.244.659.708)	21.535.961.705	

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 169 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 30/06/2012

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	76.452.220.000	76.452.220.000
Vốn góp của đối tượng khác	23.547.780.000	23.547.780.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 Cổ phiếu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/06/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	30/06/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	9.743.476.665	9.743.476.665
Quỹ dự phòng tài chính	1.322.838.296	1.322.838.296

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất, dự phòng rủi ro tài chính.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 169 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 30/06/2012

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 (VND)	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>234.771.802.213</u>	<u>274.479.033.347</u>
Doanh thu bán hàng	234.771.802.213	274.479.033.347
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 (VND)	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	<u>-</u>	<u>-</u>
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-

6.3 Doanh thu thuần

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 (VND)	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>234.771.802.213</u>	<u>274.479.033.347</u>
D.thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	234.771.802.213	274.479.033.347
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	-

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Giá vốn hàng bán	226.052.632.013	260.336.606.154
Hoàn nhập DP giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	<u>226.052.632.013</u>	<u>260.336.606.154</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 169 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 30/06/2012

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 (VND)	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	87.757.834	246.395.293
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.590.912	
Cộng	89.348.746	246.395.293

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 (VND)	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)
Lãi tiền vay	40.669.433.725	27.265.394.900
Chi phí hoạt động tài chính khác	92.075.400	-
Cộng	40.761.509.125	27.265.394.900

6.7 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 (VND)	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)
Chi phí nguyên, vật liệu	34.481.667.553	29.639.551.004
Chi phí nhân công	10.230.727.411	8.981.877.723
Chi phí khấu hao	18.742.611.548	15.168.516.107
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.318.848.224	207.989.119.070
Chi phí bằng tiền khác	47.777.753.252	34.679.699.913
Cộng	272.761.166.886	296.458.763.817

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 30/06/2012, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

Số dư tại ngày 30/06/2012 và các giao dịch với các bên liên quan trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 30/06/2012 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01 - Vinacomin: Báo cáo doanh thu nội bộ trong Tập đoàn Vinacomin;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 30/06/2012

- Phụ biểu 04 - Vinacomin: Báo cáo đầu tư dài hạn khác;
- Phụ biểu B01-TSCĐ-HN: Báo cáo chi tiết tài sản mua trực tiếp từ các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn để hình thành TSCĐ tại đơn vị trong kỳ;
- Phụ biểu 18: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

7.2 Tính hoạt động liên tục của Công ty

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 30/06/2012, khoản lỗ thuần của Công ty là 37.889.620.927 VND. Khoản lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 30/06/2012 là 90.244.659.708 VND, làm cho vốn chủ sở hữu và các khoản vay dài hạn tại ngày 30/06/2012 chỉ đủ tài trợ 69% tài sản dài hạn của Công ty, đồng thời hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu bằng 24,28 lần. Trong năm tài chính 2012, Công ty tiếp tục được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Công ty mẹ) cam kết tiếp tục tài trợ để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Theo đó, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập dựa trên giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH BDO Việt Nam.

Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH BDO Việt Nam.

Ngày 13 tháng 08 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Thu Hà

Vũ Văn Tâm